

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1923/QĐ-UBND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 15 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1960/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Văn bản số 3076/BNN-TCTS ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 210/TTr-SNN ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chi Cục trưởng Chi cục Thủy sản và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Công Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng
Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Ngày 11/3/2021, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với mục tiêu đến năm 2030 sẽ phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của quốc gia, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc. Đến năm 2045, thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; giữ vị trí quan trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế nông nghiệp và kinh tế biển, góp phần bảo đảm an ninh dinh dưỡng, thực phẩm; lao động thủy sản có mức thu nhập ngang bằng mức bình quân chung cả nước.

Nhằm cụ thể hóa định hướng phát triển và thực hiện các giải pháp trọng tâm trong lĩnh vực thủy sản để đạt được các mục tiêu nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Kế hoạch hành động để triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển và giải pháp của Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với công tác quản lý, điều hành theo hướng phát triển thủy sản bền vững và hội nhập quốc tế.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các lĩnh vực cấp thiết thực hiện đến năm 2025, kế hoạch tổng thể đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Xây dựng các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, đảm bảo đồng bộ, kịp thời và thống nhất.

2. Yêu cầu

- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động phải đảm bảo đầy đủ nội dung, cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nhằm tạo đồng thuận và quyết tâm cao trong triển khai, thực hiện Kế hoạch.

- Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Kế hoạch hành động phải xác định được trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ với các kế hoạch, chương trình, đề án phát triển của ngành; đảm bảo tích hợp, lồng ghép, không trùng lặp, kế thừa kết quả thực hiện trong giai đoạn trước đối với các nhiệm vụ đang triển khai và những nhiệm vụ đề xuất mới. Ưu tiên tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030, xác định một số nhiệm vụ cụ thể có tầm nhìn đến năm 2045 mang tính định hướng lâu dài theo đúng tinh thần của Chiến lược.

- Căn cứ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chiến lược và Kế hoạch hành động này, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ cụ thể, chi tiết; đồng thời, tổ chức thực hiện hiệu quả nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ đã đặt ra trong Chiến lược, Kế hoạch hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Mục tiêu chung đến năm 2030

Phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, sản xuất hàng hóa lớn gắn với công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển bền vững và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; có cơ cấu và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, năng suất, chất lượng, hiệu quả cao; có thương hiệu uy tín, khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế; đời sống vật chất tinh thần của người dân không ngừng nâng cao, bảo đảm an sinh xã hội; góp phần bảo vệ an ninh, quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

2. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản thời kỳ 2021-2030 đạt 4,24%/năm.

b) Tổng sản lượng thủy sản đến năm 2030 là 352.500 tấn; Trong đó nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 22.500 tấn, sản lượng khai thác thủy sản khoảng 330.000 tấn.

c) Giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt trên 500 triệu USD.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Thủy sản là ngành kinh tế thương mại hiện đại, bền vững, có trình độ quản lý, khoa học công nghệ tiên tiến; giữ vị trí quan trọng, có thương hiệu; góp phần đảm bảo an ninh, thực phẩm; bảo đảm an sinh xã hội, làng cá xanh, sạch, đẹp, văn minh; lao động thủy sản có mức thu nhập ngang bằng mức bình quân chung của cả nước; góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

III. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện tổ chức bộ máy

- Tập trung kiện toàn tổ chức và hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, đơn vị sự nghiệp về thủy sản cấp tỉnh và các địa phương theo quy định của pháp luật. Sắp xếp lại hoạt động của Kiểm ngư và Ban Quản lý các Cảng cá.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và Luật Thủy sản 2017.

2. Tổ chức tuyên truyền, thực hiện

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch hành động của các Bộ ngành và của tỉnh đến cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị trong toàn ngành và các địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản thông qua tổ chức các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, đối tượng tham gia sản xuất thủy sản.

3. Xây dựng, triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án phát triển ngành thủy sản

- Xây dựng các Kế hoạch: Kế hoạch Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản; Kế hoạch phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững; Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng các Đề án phát triển ngành thủy sản: Đề án Điều tra đánh giá nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ và vùng lộng trên vùng biển của tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Đề án chuyển đổi nghề cho tàu cá đang hoạt động khai thác ven bờ và các nghề hủy diệt nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển và hải đảo; Đề án phát triển chế biến và thương mại thủy sản; Đề án phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong ngành thủy sản; Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thủy sản; Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản; Đề án phát triển đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản; Đề án thành lập mới các khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản và phục hồi các hệ sinh thái biển.

- Xây dựng các dự án: Thực hiện các dự án đầu tư: Hình thành trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường Đông Nam Bộ tại xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu; Nâng cấp, mở rộng cảng cá Tân Phước, huyện Long Điền; Đầu tư Khu tránh trú bão tại Cửa Lấp, huyện Long Điền; Khu tránh trú bão (giai đoạn 2) tại xã Lộc An, huyện Đất Đỏ; cải tạo nâng cấp Cảng cá Cát Lở, thành phố Vũng Tàu hình thành Trung tâm đầu giá thủy sản của tỉnh; thực hiện Dự án chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh đối với một số bệnh nguy hiểm theo quy định Tổ chức Thú y thế giới (OIE) và quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu; Dự án phát triển mô hình nuôi thủy sản lồng bè kết hợp du lịch.

4. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản: Nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ kỹ thuật tiên tiến, công nghệ số để nâng cao năng lực quản lý ngành và đào tạo nguồn nhân lực; phòng chống dịch bệnh và bảo vệ môi trường; áp dụng sản xuất thủy sản tiết kiệm nước, tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng; sản xuất giống; quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ.

5. Tổ chức sản xuất thủy sản

a/ Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản:

- Tập trung điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống các loài thủy sản, nguồn lợi hải sản biển làm cơ sở bảo vệ, tái tạo và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu bảo tồn biển, thực hiện bảo vệ các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non sinh sống và đường di cư của loài thủy sản. Phát triển bảo tồn biển gắn với du lịch sinh thái và nông thôn mới.

- Ứng dụng trồng, cấy san hô đảm bảo phục hồi các hệ sinh thái rạn san hô. Hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

- Bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sản, bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản tại các thủy vực nước tự nhiên nội địa, vùng ven biển và khu bảo tồn.

- Tăng cường thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản đối với các vùng biển ven bờ, vùng nước nội địa.

- Hình thành Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản, huy động các nguồn lực tài chính cho bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản.

b/ Nuôi trồng thủy sản:

- Phát triển cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống nuôi trồng thủy sản chất lượng cao gắn với các đối tượng nuôi chủ lực, có giá trị kinh tế; ưu tiên phát triển nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, nuôi thủy sản lồng bè trên biển, ven biển và hải đảo; phát triển nuôi trồng thủy đặc sản có giải trí theo hướng sản xuất hàng hóa phục vụ du lịch và xuất khẩu.

- Phát triển các hình thức liên kết theo chuỗi từ sản xuất giống/thức ăn, nuôi trồng, chế biến, thương mại thủy sản đảm bảo thân thiện môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP).

- Xây dựng và triển khai kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức điều tra, đánh giá việc bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản; nguồn ô nhiễm, chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng chống dịch bệnh thủy sản.

c/ Khai thác thủy sản

- Tổ chức các hoạt động khai thác thủy sản vùng lòng, vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý, gắn phát triển sinh kế của cộng đồng ngư dân với phát triển nuôi trồng thủy sản, du lịch sinh thái, nghề cá giải trí. Phát triển khai thác hải sản vùng khơi hiệu quả, bền vững trên cơ sở giảm dần cường lực khai thác, đảm bảo phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản của các vùng biển.

- Tổ chức khai thác thủy sản theo hình thức đồng quản lý kết hợp bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản. Tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

- Giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác thủy sản có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề khai thác thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển khai thác thủy sản; hình thành một số doanh nghiệp, tập đoàn để hợp tác khai thác viễn dương theo chủ trương của Bộ. củng cố, đổi mới các tổ, đội, hợp tác xã; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, cơ giới hóa, hiện đại hóa tàu cá; giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch đến năm 2030 dưới 15%; đảm bảo an toàn thực phẩm cho tàu cá, điều kiện sống và làm việc của thuyền viên phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế.

- Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá trên biển nhằm chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố, rủi ro, thiên tai trên biển. Đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển, tham gia hiệu quả công tác hỗ trợ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

d/ Dịch vụ hậu cần nghề cá:

- Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá. Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, hậu cần, sơ chế, bảo quản, trung chuyển sản phẩm tại Côn Đảo.

- Khuyến khích phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản trên biển, hình thành chợ đầu mối, chợ đầu giá thủy sản, các cơ sở chế biến, kho lạnh tại cảng cá.

- Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản.

đ/ Chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản:

- Phát triển công nghiệp chế biến thủy sản quy mô hàng hóa lớn, đóng vai trò chủ đạo trong việc dẫn dắt, thúc đẩy phát triển chuỗi sản xuất thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Chủ động hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư, nguồn lực và mở rộng thị trường xuất khẩu; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm chế biến cho thị trường nội địa.

- Tổ chức hội nghị phổ biến, tuyên truyền các quy định về quản lý an toàn thực phẩm, các buổi hội thảo triển khai công nghệ bảo quản sau thu hoạch, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất chế biến sản phẩm mới cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản.

- Quản lý chặt chẽ điều kiện sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản thuộc phạm vi quản lý, hỗ trợ địa phương quản lý đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thủy sản nhỏ lẻ.

- Giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm thủy sản trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường, đánh giá nguy cơ và truy xuất nguồn gốc nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm, đề xuất việc thu hồi và xử lý thực phẩm mất an toàn theo quy định.

- Hỗ trợ, hướng dẫn cơ sở áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, SSOP, HACCP ...), ứng dụng và nâng cao hệ thống truy xuất nguồn gốc, công khai, minh bạch các thông tin nguồn gốc của sản phẩm, hạn chế và từng bước đẩy lùi tình trạng gian lận thương mại, hàng giả, hàng nhái, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ lưu thông trên thị trường.

- Tăng cường công tác xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; vận động, hướng dẫn, kết nối các cơ sở sản xuất theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy trình công nghệ, điều kiện an toàn sản xuất của các cơ sở chế biến, bảo quản thủy sản.

- Tổ chức cho các cơ sở, hợp tác xã, doanh nghiệp tham qua học tập kinh nghiệm các mô hình chế biến sâu, chế biến các mặt hàng tinh chế, chất lượng cao, các mô hình thủy sản liên kết theo chuỗi giá trị hiệu quả..., nhằm từng bước đổi mới công nghệ, phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa.

e/ Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường:

- Đưa sản phẩm tham gia các hội chợ triển lãm, hội nghị kết nối giao thương trong và ngoài tỉnh. Biên soạn và phát các ấn phẩm thông tin về các sản phẩm thủy sản chủ lực của tỉnh.

- Quản lý, vận hành phần mềm kết nối cung cầu nông lâm thủy sản; đăng bài, thông tin doanh nghiệp, sản phẩm cần mua và cần bán trên phần mềm, kết nối tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến thủy sản tham dự các buổi họp trực tuyến, hội nghị kết nối thúc đẩy hợp tác với thị trường nước ngoài; cung cấp thông tin về

nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu, xuất khẩu sản phẩm chế biến với thị trường nước ngoài; cập nhật các quy định, yêu cầu của thị trường nhập khẩu để phổ biến cho doanh nghiệp...

- Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thông qua mã QR code, đăng ký tài khoản trên trang điện tử truy xuất nguồn gốc, tiến tới tích hợp với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia, công khai thông tin sản phẩm, đồng thời quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện hoạt động nghiên cứu, dự báo thị trường thủy sản.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Tăng cường đầu tư chuyên ngành thủy sản hiệu quả.

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách nhà nước thực hiện phát triển ngành thủy sản. Thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách xúc tiến đầu tư, tạo nguồn lực thực hiện đầu tư phát triển ngành thủy sản.

- Lựa chọn dự án đầu tư phù hợp quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, từng giai đoạn thuộc các chương trình, đề án phát triển ngành thủy sản. Tăng cường công tác quản lý đầu tư chuyên ngành thủy sản hiệu quả.

- Bố trí vốn tập trung, ưu tiên các dự án trọng điểm, có tính lan tỏa; quản lý, sử dụng vốn đầu tư theo kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

2. Ứng dụng khoa học công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong bảo quản gen, nhân giống thủy sản nhằm bảo tồn và phát triển các giống loài thủy sản bản địa, đặc hữu, có giá trị khoa học, kinh tế cao; điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản, môi trường sống của loài thủy sản, hình thành khu vực cư trú nhân tạo cho loài thủy sản.

- Ứng dụng công nghệ số, thông tin trong quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, dự báo ngư trường, nguồn lợi, giám sát hoạt động tàu cá; công nghệ khai thác; cơ giới hóa, tự động hóa trong khai thác; bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; công nghệ tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng trong hoạt động sản xuất thủy sản.

- Lựa chọn giống các đối tượng nuôi chủ lực (tôm Sú, tôm Thẻ Chân Trắng,...) đáp ứng nhu cầu giống có chất lượng cao, sạch bệnh cho phát triển nuôi trồng thủy sản. Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ nuôi trồng thủy sản có năng suất cao, chất lượng, tuần hoàn, tiết kiệm nước, năng lượng, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, đặc biệt đối với các hệ thống nuôi thâm canh, siêu thâm canh, nuôi hữu cơ, sinh thái.

- Ứng dụng các loại thuốc, chế phẩm sinh học phục vụ công tác kiểm soát, không chế dịch bệnh; ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong chuẩn đoán, phòng trị bệnh; giảm, thay thế sử dụng hóa chất, kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu và chuyển giao công nghệ vào sản xuất.

- Áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực thủy sản theo hướng chuyển đổi số, làm cơ sở phục vụ công tác quản lý ngành (Bản đồ số hóa các vùng sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh phục vụ cho công tác điều tra, quy hoạch và quản lý vùng; hệ thống quan trắc cảnh báo về môi trường phục vụ sản xuất).

3. Tổ chức sản xuất thủy sản.

a/ Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản:

- Thành lập các tổ hợp tác, nghiệp đoàn, hợp tác xã khai thác thủy sản. Giao quyền quản lý, sử dụng vùng nước ven biển cho các tổ chức cộng đồng ngư dân thực hiện đồng quản lý, bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ mùa vụ, vùng khai thác thủy sản, ngư cụ, duy trì và phát triển bền vững nguồn lợi thủy sản. Thiết lập các khu bảo tồn, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản vùng biển ven bờ, ven đảo.

- Giám sát chặt chẽ việc triển khai Luật Thủy sản năm 2017 và các giải pháp cấp bách khắc phục cảnh báo “Thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Hoàn thành việc lắp đặt, quản lý, vận hành, khai thác tối ưu hệ thống thiết bị giám sát hành trình tàu cá. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý nghiêm các tàu cá có hành vi khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

b/ Khai thác thủy sản:

- Giảm số lượng tàu cá và sản lượng thủy sản khai thác để phục hồi nguồn lợi thủy sản. Tổ chức thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; liên doanh, liên kết giữa người sản xuất (ngư dân) đến doanh nghiệp chế biến xuất khẩu với doanh nghiệp phân phối sản phẩm và người người tiêu dùng.

- Tổ chức tốt thông tin liên lạc, cảnh báo thiên tai kịp thời cho ngư dân trên biển, bảo đảm an toàn đi biển, tổ chức ứng cứu kịp thời khi có rủi ro.

- Tổ chức bảo tồn, khai thác nguồn lợi thủy sản và phát triển nuôi trồng thủy sản gắn kết chặt chẽ, hài hòa lợi ích với phát triển các ngành khác như du lịch, giao thông vận tải và phát triển đô thị, công nghiệp,... trong quy hoạch không gian biển, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Thực hiện tốt khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC) về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp và không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm đối với tàu cá hoạt động trên biển và tại cảng cá.

c/ Quản lý nghề cá và cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá:

- Nâng cao năng lực đăng kiểm tàu cá, quản lý chặt chẽ các cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá trên địa bàn tỉnh. Đầu tư, nâng cấp hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảm bảo điều kiện hoạt động cho tàu cá ra vào cảng và tránh trú bão.

- Điều tra, rà soát các loại phương tiện công suất nhỏ, các nghề khai thác không hiệu quả, đặc biệt là nghề lưới kéo và nhu cầu các hộ dân muốn chuyển đổi nghề.

- Chuyển đổi cơ cấu nghề theo hướng đẩy mạnh khai thác xa bờ, hạn chế khai thác ven bờ. Khuyến khích phát triển những nghề có tính chọn lọc cao, đồng thời nghiêm cấm những hình thức khai thác mang tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản.

d/ Nuôi trồng thủy sản:

- Xây dựng và hoàn thiện các chuỗi giá trị cho sản phẩm: Tôm nước lợ, thủy sản lồng bè, ... Đẩy nhanh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, áp dụng rộng rãi sản xuất an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, cấp mã số vùng nuôi, gắn với việc truy xuất nguồn gốc, điều kiện an toàn thực phẩm và thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (GAP), gắn kết doanh nghiệp, hợp tác xã và ngư dân từ sản xuất giống, thức ăn, công nghiệp phụ trợ đến nuôi, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển, chế biến công nghiệp, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Tổ chức liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất nguyên liệu đến chế biến tiêu thụ đối tượng chủ lực (tôm nước lợ, cá biển nuôi lồng bè, hào, ngọc trai). Trong đó chú trọng khâu sản xuất ban đầu đảm bảo chất lượng từ con giống, quy trình nuôi, công nghệ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm thủy sản.

- Xây dựng hệ thống trạm quan trắc môi trường nước tự động dạng phao nổi phục vụ nuôi trồng thủy sản; dự báo, cảnh báo sớm về chất lượng môi trường và dịch bệnh thủy sản bằng công cụ tính toán khoa học và trí tuệ nhân tạo.

- Điều tra, đánh giá việc bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi trồng thủy sản, đề ra các biện pháp xử lý nhằm giảm nguồn ô nhiễm, chất thải từ hoạt động nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất thủy sản an toàn: Thúc đẩy áp dụng và hình thành hệ thống phân phối thủy sản an toàn, kết nối người tiêu dùng với thủy sản an toàn; thường xuyên tuyên truyền cho người dân nuôi trồng thủy sản tầm quan trọng và lợi ích của việc nuôi trồng thủy sản áp dụng theo hướng nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm, áp dụng các mô hình nuôi sạch, an toàn sinh học nhằm phát triển sản phẩm thủy sản sạch, an toàn, tốt cho sức khỏe người tiêu dùng, tạo lợi thế cạnh tranh, nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản của địa phương. Đồng thời, lựa chọn những cơ sở nuôi đạt hiệu quả cao, đảm bảo chất lượng để hình thành hệ thống phân phối thủy sản an toàn, kết nối người tiêu dùng với thủy sản sạch, an toàn.

- Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao; Từng bước hình thành và phát triển các khu nuôi biển tập trung với cơ cấu và tổ chức sản xuất hợp lý, gắn với việc bảo vệ môi trường sinh thái, phù hợp sức tải môi trường vùng ven biển. Ứng dụng các mô hình nuôi biển công nghệ kỹ thuật hiện đại tiên tiến, chọn các đối tượng nuôi biển phù hợp. Tiếp tục xây dựng mô hình tổ quản lý cộng đồng khu nuôi trồng thủy sản lồng bè và nhuyễn thể hai mảnh vỏ.

- Triển khai phòng chống dịch bệnh thủy sản: Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của nông dân, phòng trừ dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản; tăng cường kiểm tra chất lượng con giống, xử lý dập dịch bệnh. Triển khai có hiệu quả việc xây dựng bản đồ dịch tễ nhằm kiểm soát các loại dịch bệnh trên thủy sản.

- Phòng bệnh và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm; tập trung, huy động các nguồn lực để chủ động phòng bệnh, chủ động giám sát, phát hiện kịp thời, ngăn chặn và khống chế có hiệu quả các bệnh nguy hiểm trên thủy sản được ưu tiên kiểm soát.

- Áp dụng các quy trình kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh, xử lý ô dịch. Xem xét, sử dụng vắc xin để chủ động phòng bệnh cho động vật thủy sản để giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh, ngăn ngừa kháng thuốc trong nuôi trồng thủy sản. Xây dựng vùng, cơ sở chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh để phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

đ) Bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản:

- Khuyến khích các doanh nghiệp chế biến thủy sản đầu tư khoa học công nghệ tiên tiến nâng cao hiệu quả chuỗi giá trị sản phẩm thủy sản. Phát triển chuỗi đại lý phân phối, tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

- Cải tiến công nghệ bảo quản đông lạnh, công nghệ bảo quản sản phẩm tươi sống.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản nội địa.

- Đẩy mạnh quản lý chất lượng sản phẩm thủy sản. Phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao. Đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy định trong nước và quốc tế.

- Nâng cao tỷ trọng sản phẩm chế biến có chất lượng, sức cạnh tranh cao phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chuyển dịch hợp lý cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm chế biến.

4. Tăng cường năng lực trong công tác quản lý, đào tạo nguồn nhân lực.

- Tăng cường các biện pháp quản lý Nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra, tuần tra, kiểm soát hoạt động thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển đảo.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính trong ngành thủy sản; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành thủy sản.

- Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn sâu trong các lĩnh vực về nghiên cứu, sản xuất thủy sản. Đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho lao động trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản.

- Tăng cường phối hợp, hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế trong việc đào tạo, chuyển giao khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

- Tập trung thực hiện có hiệu quả chương trình đào tạo nghề phục vụ khai thác, nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản, trong đó ưu tiên đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác.

5. Phát triển thị trường, xúc tiến thương mại.

Phát triển, mở rộng thị trường nội địa; tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tại các nước, khu vực đã và đang ký kết các Hiệp định thương mại tự do; phát triển mở rộng các thị trường trọng điểm và tiềm năng; nâng cao năng lực trao đổi, tiếp cận thông tin thị trường, thương mại thủy sản cho doanh nghiệp, cán bộ quản lý và các bên có liên quan. Thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu các sản phẩm thủy sản có lợi thế cạnh tranh cao.

6. Triển khai thực hiện chính sách

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hiện có (Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa, Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh); đề xuất chính sách mới nhằm huy động mọi nguồn lực, thành phần kinh tế đầu tư phát triển bền vững lĩnh vực thủy sản.

- Ngân sách nhà nước ưu tiên thực hiện đầu tư, hỗ trợ: Phát triển hạ tầng, kỹ thuật ngành thủy sản đồng bộ; giảm cường lực khai thác thủy sản để bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi nghề từ khai thác thủy sản sang các ngành nghề khác; hỗ trợ ngư dân trong thời gian cấm khai thác thủy sản; tham gia tìm kiếm cứu nạn trên biển, tham gia bảo vệ quốc phòng an ninh chủ quyền biển, đảo; ứng dụng công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch, giảm giá thành sản xuất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho tổ chức cộng đồng tham gia quản lý, bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản; hỗ trợ, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển; thực hiện có hiệu quả chính sách ưu đãi thuế, phí đối với các hoạt động trong các lĩnh vực của ngành thủy sản nhằm tạo điều kiện phát triển thủy sản thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh; thực hiện tốt vốn tín dụng đầu tư phát triển, chính sách bảo hiểm cho tàu cá và thuyền viên; người lao động và cơ sở nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ xây dựng và phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm thủy sản chủ lực; tham gia giới thiệu, quảng bá sản phẩm trong nước và quốc tế.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch này; hằng năm báo cáo tình hình triển khai, trong đó nêu rõ việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục thực hiện Chiến lược gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 10 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, các cơ quan có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định. Việc lập dự toán, phân bổ, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản. Đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao và ưu tiên nguồn lực về khoa học, công nghệ cao; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm.

5. Sở Công thương chủ trì, tham mưu đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, bảo quản sau chế biến thủy sản để nâng cao giá trị; xây dựng, quản lý hiệu quả hệ thống các chợ, cửa hàng kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý ngành; thực hiện tốt công tác quản lý, dự báo, định hướng thị trường, quảng bá thương hiệu sản phẩm.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất và khu vực sông, ven biển, biển nuôi trồng thủy sản. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc giao khu vực sông, ven biển, biển nuôi trồng thủy sản theo quy định. Tăng cường giám sát việc thực hiện Luật bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường; thực hiện xử lý theo quy định các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực thủy sản.

7. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phụ trách công tác quản lý nhà nước về thủy sản.

8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện tốt các mục tiêu về việc làm và đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn tỉnh.

9. Sở Thông tin và Truyền thông tuyên truyền rộng rãi Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Bà Rịa – Vũng Tàu xây dựng chương trình truyền thông, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về các chủ trương, chính sách thực hiện Kế hoạch.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng cơ chế chính sách đầu tư, ưu tiên bố trí vốn và cân đối đầu tư thực hiện Kế hoạch. Tham mưu phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân. Phối hợp kêu gọi vốn đầu tư, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế thủy sản.

12. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ đạo tổ chức tín dụng ưu tiên vốn, triển khai các chính sách tín dụng của Chính phủ; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận nguồn vốn vay phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

13. Hội Nông dân tỉnh phối hợp với ngành nông nghiệp cùng các tổ chức chính trị - xã hội vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người dân tích cực tham gia vào các tổ chức kinh tế hợp tác, câu lạc bộ và các hoạt động sản xuất thủy sản.

14. Hội Nghề cá tỉnh phối hợp với ngành thủy sản cùng các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để ngư dân nắm bắt kịp thời các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Hướng dẫn ngư dân thực hiện sản xuất phù hợp, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị của ngư dân đến cơ quan chức năng.

15. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ quy định của Luật Thủy sản 2017, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Chiến lược phát triển thủy sản, các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và nội dung Kế hoạch này để tổ chức thực hiện:

- Rà soát, củng cố bộ máy, nâng cao năng lực cán bộ quản lý Nhà nước chuyên ngành thủy sản tại địa phương.

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương. Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư do cấp huyện, thị xã, thành phố quản lý, chủ động huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện các chương trình, đề án, dự án... nhằm thực hiện hoàn thành các mục tiêu Kế hoạch đề ra.

- Triển khai thực hiện cơ chế chính sách huy động nguồn lực của địa phương và vốn ngoài ngân sách phù hợp điều kiện của địa phương để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của Kế hoạch; thực hiện lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án khác có cùng nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Tiếp tục tổ chức lại công tác sản xuất nuôi trồng, khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá để tạo sự ổn định, nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho lao động.

- Tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện Kế hoạch đến những cán bộ, nông ngư dân và những đối tượng có liên quan để nắm bắt được định hướng chung của ngành Thủy sản.

- Chỉ đạo thực hiện, tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn; thực hiện chế độ báo cáo, đánh giá theo quy định.

16. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung, nhiệm vụ cho phù hợp, các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan có văn bản đề xuất, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỦY SẢN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1923/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
I	TUYÊN TRUYỀN, HOÀN THIỆN TỔ CHỨC BỘ MÁY, THỂ CHẾ			
1	Tuyên truyền, phổ biến nội dung kế hoạch hành động	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin và Truyền thông, Báo BR-VT, Đài Phát thanh truyền hình, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2022
2	Kiểm toàn tổ chức Kiểm ngư địa phương. Kiểm toàn tổ chức, bộ máy của hệ thống quản lý nhà nước về thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị liên quan	2021-2022
II	XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN			
1	Kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022 - 2023
2	Kế hoạch phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 - 2025
3	Dự án “Xây dựng trung tâm nghề cá tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gắn với ngư trường Đông Nam Bộ”	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở: Khoa học công nghệ, Kế hoạch đầu tư, Tài chính, UBND thành phố Vũng Tàu	2021-2030
4	Dự án Nâng cấp cảng cá Tân Phước, Khu tránh trú bão Cửa Lấp	Ban Quản lý dự án ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND huyện Long Điền	2022-2025
5	Dự án Khu tránh trú bão (giai đoạn	Ban Quản lý	Sở Nông nghiệp và	2021-2025

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	2)	dự án ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn	PTNT; UBND huyện Đất Đỏ	
6	Dự án Cải tạo nâng cấp Cảng cá Cát Lở thành phố Vũng Tàu hình thành Trung tâm đầu giá thủy sản của tỉnh	Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu	Sở Nông nghiệp và PTNT; UBND thành phố Vũng Tàu	2022-2030
7	Đề án chuyển đổi nghề cho tàu cá đang hoạt động khai thác ven bờ và các nghề hủy diệt nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh BR-VT	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021 xây dựng; thực hiện 2022-2030
8	Đề án phát triển chế biến và thương mại thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023
9	Đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ; Sở LĐTB và XH; Các Trường, Viện, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
10	Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nội vụ, Tổng cục Thủy sản	2022-2023
11	Đề án phát triển đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2022
12	Đề án bảo vệ môi trường trong hoạt động thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2022
13	Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng cục Thủy sản, hiệp hội nuôi biển, các Viện nghiên cứu hải sản,	2021-2030
14	Dự án hệ thống trạm quan trắc môi trường nước tự động dạng phao nổi phục vụ nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
15	Dự án lắp đặt phao nhận dạng vùng nuôi trồng thủy sản lồng bè trên sông	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Giao thông Vận tải, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2022
III	PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			
1	Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ để phục vụ phát triển thủy sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
IV	TỔ CHỨC SẢN XUẤT THỦY SẢN			
1	Trong lĩnh vực bảo tồn, phát triển nguồn lợi thủy sản:			
1.1	Tổ chức điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sông của các loài thủy sản trên phạm vi toàn tỉnh làm cơ sở bảo vệ, tái tạo và khai thác bền vững nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2022; 5 năm; Hàng năm
1.2	Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu nguồn lợi thủy sản theo hướng chuyển đổi số, làm cơ sở phục vụ công tác dự báo ngư trường, nguồn lợi.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng cục Thủy sản, các Viện, trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
1.3	Triển khai đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng cục Thủy sản, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
1.4	Thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố, Các Hội, hiệp hội	2021-2030
2	Nuôi trồng thủy sản:			
2.1	Tổ chức rà soát, quy hoạch và quy hoạch lại các vùng nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất giống tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2.2	Quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã,	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
			thành phố	
2.3	Kiểm tra, kiểm soát hệ thống sản xuất, phân phối con giống, thức ăn, thuốc, hoá chất và vật tư phục vụ ngành tôm trên phạm vi của tỉnh. Giám sát chặt chẽ chất lượng, giá vật tư cung cấp cho sản xuất tôm để đảm bảo thị trường minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất ngành tôm Bà Rịa – Vũng Tàu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.4	Quản lý và kiểm soát chặt chẽ dư lượng kháng sinh trong sản xuất NTTS, hoá chất, nguồn nước cấp, nước thải của các cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy sản tập trung.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.5	Tổ chức, sắp xếp Rà soát quy hoạch lại các vùng nuôi trồng thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021-2025
2.6	Phòng bệnh và khống chế có hiệu quả một số dịch bệnh nguy hiểm đang lưu hành	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.7	Kiểm soát, ngăn chặn sự xâm nhiễm các bệnh nguy hiểm từ bên ngoài vào địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Thú y vùng, Sở Công thương, Quản lý thị trường, Giao thông vận tải, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.8	Xây dựng vùng, cơ sở chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh phục vụ tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2.9	Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý và	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Thông tin truyền thông, Báo BR-VT, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh,	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
	bảo vệ môi trường vùng nuôi trồng thủy sản, tính chất nguy hiểm của dịch bệnh thủy sản, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản, xây dựng cơ sở, chuỗi sản xuất thủy sản an toàn dịch bệnh.		UBND các huyện, thị xã, thành phố	
3	Khai thác thủy sản:			
3.1	Tổ chức khai thác thủy sản theo mô hình tổ, đội, hợp tác xã; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị.	Sở Nông nghiệp và PTNT;	Các Hội, Hiệp hội thủy sản; các tổ chức, UBND các huyện, thị xã, thành phố, cá nhân liên quan	Hàng năm
3.2	Tổ chức khai thác thủy sản theo hình thức đồng quản lý kết hợp bảo vệ phát triển nguồn lợi thủy sản.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.3	Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá.	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
3.4	Kế hoạch ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong khai thác và bảo quản sản phẩm sau thu hoạch trên tàu cá xa bờ tỉnh BR-VT	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH-CN; Sở Tài chính; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Tổ chức khoa học; Doanh nghiệp và Ngư dân	Hàng năm
4	Dịch vụ nghề cá và hậu cần nghề cá			
4.1	Khuyến khích phát triển dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản trên biển.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
4.2	Áp dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tự động hóa, chuyển đổi số nâng cao hiệu quả trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thủy sản		Sở Thông tin truyền thông; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Chế biến và tiêu thụ sản phẩm:			
5.1	Dự án điều tra, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy chế biến, tiêu thụ sản phẩm thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025
5.2	Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thông qua mã QR code, đăng ký tài khoản trên trang điện tử truy xuất nguồn gốc, tiến tới tích hợp với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia, công khai thông tin sản phẩm, đồng thời quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng cục Thủy sản, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030
6	Xúc tiến thương mại, phát triển thị trường:			
6.1	Đưa sản phẩm tham gia các hội chợ triển lãm, hội nghị kết nối giao thương trong và ngoài tỉnh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công thương; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
6.2	Quản lý, vận hành phần mềm kết nối cung cầu nông lâm thủy sản; đăng bài, thông tin doanh nghiệp, sản phẩm cần mua và cần bán trên phần mềm, kết nối tiêu thụ sản phẩm thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở TT truyền thông, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
6.3	Hỗ trợ các doanh nghiệp chế biến thủy sản tham dự các buổi họp trực tuyến, hội nghị kết nối thúc đẩy hợp tác với thị trường nước ngoài	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở TT truyền thông, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
6.5	Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc thông qua mã QR code, đăng ký tài khoản trên trang điện tử truy xuất nguồn gốc, tiến tới tích hợp với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia, công khai thông tin sản phẩm, đồng thời quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tổng cục thủy sản, Sở TT truyền thông, Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030
6.6	Thực hiện hoạt động nghiên cứu, dự báo thị trường thủy sản	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Công thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
VI GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH				
1	Theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Hàng năm
2	Sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2025
3	Tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Quý IV/2030